

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2017

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thiện

Ông Đinh Công Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/05/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Lương Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. **Bị đơn:** anh Trần Xuân Th, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/02/2017, bản tự khai ngày 22/02/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn - chị Lương Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Xuân Th ngày 27/7/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu

trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn chị L về gia đình anh Th làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng cuối năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L và anh Th bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Năm 2012, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã Ph, huyện T sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải động viên để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Th.

Con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Xuân T, sinh ngày 16/4/2011, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, trích chia công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã tổng đạt hợp lệ và đã tiến hành niêm yết các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Th nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn không có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, xử chị L được ly hôn anh Th; Con chung: giao chị L tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Xuân T, sinh ngày 16/4/2011, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; Về tài sản chung, tài sản riêng, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Tại phiên toà bị đơn là anh Trần Xuân Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn là chị Lương Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét về tình cảm vợ chồng: chị Lương Thị L và anh Trần Xuân Th kết hôn ngày 27/7/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện T trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu trước khi kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến ly thân từ năm 2012 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Qua làm việc với bà Nguyễn Thị Th - mẹ đẻ của anh Th và đại diện chính quyền địa phương là ông Lương Xuân Th - trưởng thôn Q, xã Ph và bà Nguyễn Thị T - Phó chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Q, xã Ph, huyện T xác nhận sự việc mâu thuẫn trên là đúng. Nay quan điểm của bà Th và chính quyền địa phương đều xác định chị L và anh Th không thể chung sống được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Th. Bà Th trình bày là bà đã giao lại thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh Th, nhưng do công việc bận nên anh Th không đến Tòa án làm việc được. HĐXX thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị L được ly hôn anh Th.

[3] Về con chung: chị L và anh Th có 01 con chung là Trần Xuân T, sinh ngày 16/4/2011, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử thấy: con chung hiện đang do chị L nuôi dưỡng, phát triển bình thường cả thể chất và tinh thần. Tại phiên tòa chị L xin được tiếp tục nuôi con là đề nghị chính đáng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình để giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: chị L đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật nhưng chị L không yêu cầu nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 17 của Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Lương Thị L được ly hôn anh Trần Xuân Th.
2. Về con chung: giao cho chị Lương Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Xuân T, sinh ngày 16/4/2011. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003524 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- Chi cục T.H.A Tân Yên
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Hòa
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hà Giang